



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Sơn, ngày tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, kỳ họp thứ 8 ban hành Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chi tiết nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023);

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐND huyện khóa XII, kỳ họp thứ 7 về tỷ lệ phần trăm (%) vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện và vốn ngân sách xã, huy động khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bình Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐND huyện Khóa XII, kỳ họp thứ 7 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Khôa XII, kỳ họp thứ 9 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (đợt 2);

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo tham tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với tổng kế hoạch vốn là 30.124,9 triệu đồng, trong đó:

- a) Ngân sách trung ương 4.245 triệu đồng.
- b) Ngân sách tỉnh 20.000 triệu đồng.
- c) Ngân sách huyện 5.879,9 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục tổng hợp, phụ lục số 01, số 02 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (huyện nông thôn mới), nội dung như sau:

a) Dự án Xây dựng đường dây điện phục vụ nuôi tôm xã Bình Dương: Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 4.700 triệu đồng.

b) Dự án Xây dựng đường dây điện phục vụ sản xuất Hành Tím xã Bình Hải: Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 3.800 triệu đồng.

c) Điều chỉnh tăng dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH.02 đoạn từ khoảng Km15+697.00-Km16+680.70 (đoạn qua thôn Thọ An, xã Bình An), với tổng mức đầu tư là 2.500 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

2. Các nội dung khác tại các Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022, Nghị quyết 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- VP. HĐND&UBND: CVP, PCVP, CVTH, Website;
- Lưu: VT, HĐ.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Đồng

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND, 32/NQ-HĐND			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Tổng số	NSTW, Tỉnh	NS huyện	Tổng số	NSTW, NST	NS huyện	Tổng số	NSTW, Tỉnh	NS huyện	
	TỔNG CỘNG	362.842.0	262.867.6	99.974.4	30.124.9	24.245.0	5.879.9	392.966.9	287.112.6	105.854.3	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các xã	267.972.0	216.367.6	51.604.4	30.124.9	24.245.0	5.879.9	298.096.9	240.612.6	57.484.3	
1	Bổ trí chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	49.668.6	36.126.0	13.542.6				49.668.6	36.126.0	13.542.6	
2	Bổ trí giai đoạn 2021-2025	218.303.4	180.241.6	38.061.8	30.124.9	24.245.0	5.879.9	248.428.3	204.486.6	43.941.7	
-	Bổ trí trả nợ cho 03 xã (năm 2021)	55.092.0	43.200.0	11.892.0				55.092.0	43.200.0	11.892.0	
-	Bổ trí cho các địa phương giai đoạn 2022-2025	163.211.4	137.041.6	26.169.8	30.124.9	24.245.0	5.879.9	193.336.3	161.286.6	32.049.7	
	<i>Trong đó:</i>										
+	Bổ sung vốn cho 06 xã				5.188.6	4.245.0	943.6	5.188.6	4.245.0	943.6	Phụ lục số 01
+	Bổ sung vốn cho xã Bình An				24.936.3	20.000.0	4.936.3	24.936.3	20.000.0	4.936.3	Phụ lục số 02
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (huyện nông thôn mới)	87.520.0	42.000.0	45.520.0				87.520.0	42.000.0	45.520.0	
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Chương trình phát triển kinh tế tập thể, HTX)	4.500.0	4.500.0					4.500.0	4.500.0	0.0	
IV	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Đổi ứng công trình cấp nước sạch nông thôn)	2.850.0		2.850.0				2.850.0	0.0	2.850.0	

PHỤ LỤC SỐ 01

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (6 XÃ)**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
							NSTW	NS huyện	NS xã và vốn khác		NSTW	Ngân sách huyện	
	Tổng cộng					5.896.0	4.245.0	943.6	707.4	5.188.6	4.245.0	943.6	
I	XÃ BÌNH PHƯỚC					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
*	Giao thông					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
1	Đường xã tuyến nhà ông Đãi - nhà ông Hộp (giai đoạn 2)	Xã Bình Phước	UBND xã Bình Phước	650m	2023-2025	884.4	707.5	88.50	88.4	796.0	707.5	88.5	
II	XÃ BÌNH HIỆP					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
*	Giao thông					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
1	Tuyến ngõ Sáu Sỷ đi Đồng Rôi	Xã Bình Hiệp	UBND xã Bình Hiệp	300m	2023-2025	400.0	320.0	40.0	40.0	360.0	320.0	40.0	
2	Từ nhà ông Dũng (văn hóa) ruộng ông Quang Phú	Xã Bình Hiệp	UBND xã Bình Hiệp	400m	2023-2025	484.4	387.5	48.5	48.4	436.0	387.5	48.5	
III	XÃ BÌNH TÂN PHÚ					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
*	Giao thông					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
1	Nâng cấp tuyến đường Đại Lộc - Xóm Vườn xã Bình Tân Phú	Xã Bình Tân Phú	UBND xã Bình Tân Phú	800m	2023-2025	884.4	707.5	88.50	88.4	796.0	707.5	88.5	
IV	XÃ BÌNH ĐÔNG					1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	
*	Cải tạo nghĩa trang					1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
							NSTW	NS huyện	NS xã và vốn khác		NSTW	Ngân sách huyện	
1	Tường rào, sân vườn, điện chiếu sáng nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Đông	Xã Bình Đông	UBND xã Bình Đông	156m	2023-2025	1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	
V	XÃ BÌNH HẢI					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
*	Giao thông					884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
1	Ngã tư nhà chị Mới - Quán Tâm (Hải Tường)	Xã Bình Hải	UBND xã Bình Hải	700m	2023-2025	884.4	707.5	88.5	88.4	796.0	707.5	88.5	
VI	XÃ BÌNH CHÁNH					1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	
*	Cải tạo nghĩa trang					1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	
1	Nâng cấp khuôn viên sân Nghĩa trang liệt sĩ xã Bình Chánh	Xã Bình Chánh	UBND xã Bình Chánh	2000m2	2023-2025	1.179.2	707.5	294.8	176.9	1.002.3	707.5	294.8	

PHỤ LỤC SỐ 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (XÃ BÌNH AN)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã và vốn khác		NST	NS huyện	
	Tổng cộng					25.975.0	20.000.0	4.936.3	1.038.7	24.936.3	20.000.0	4.936.3	
I	Giao thông					10.675.0	8.540.0	1.601.3	533.7	10.141.3	8.540.0	1.601.3	
*	Đường xã					6.855.0	5.484.0	1.028.3	342.7	6.512.3	5.484.0	1.028.3	
1	Đường xã từ ruộng đá Phúc Lâm - giáp xã Bình Minh	Xã Bình An	UBND xã Bình An	1300m	2023 -2025	2.030.0	1.624.0	304.5	101.5	1.928.5	1.624.0	304.5	
2	Đường xã từ Ngã 3 đường bê tông - Hồ dài	Xã Bình An	UBND xã Bình An	2500m	2023 -2025	4.825.0	3.860.0	723.8	241.2	4.583.8	3.860.0	723.8	
*	Đường trục thôn					3.820.0	3.056.0	573.0	191.0	3.629.0	3.056.0	573.0	
3	Đường thôn từ Ngã 3 đồng cây Si - Cầu tổ 5 - Cầu tổ 1 - Ngã 3 Nhà văn hóa thôn Thọ An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	1270m	2023 -2025	1.840.0	1.472.0	276.0	92.0	1.748.0	1.472.0	276.0	
4	Đường vào Nghĩa trang nhân dân điểm Thọ An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	260m	2023 -2025	460.0	368.0	69.0	23.0	437.0	368.0	69.0	
5	Đường thôn từ Ngã 3 nhà Lê Giáo - Bùi Thắng	Xã Bình An	UBND xã Bình An	235m	2023 -2025	400.0	320.0	60.0	20.0	380.0	320.0	60.0	
6	Đường thôn từ Cầu Bến Lợi - Nguyễn Thị Sen	Xã Bình An	UBND xã Bình An	378m	2023 -2025	200.0	160.0	30.0	10.0	190.0	160.0	30.0	
7	Đường thôn từ nhà Đặng Văn Hòa - Nhà văn hóa thôn An Khương 2	Xã Bình An	UBND xã Bình An	235m	2023 -2025	240.0	192.0	36.0	12.0	228.0	192.0	36.0	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã và vốn khác		NST	NS huyện	
8	Đường thôn từ Ngã 3 đường liên xã An Khương - Đồng Sâu	Xã Bình An	UBND xã Bình An	987m	2023 -2025	500.0	400.0	75.0	25.0	475.0	400.0	75.0	
9	Đường thôn từ Bàn Tin - Đá Bạc	Xã Bình An	UBND xã Bình An	340m	2023 -2025	180.0	144.0	27.0	9.0	171.0	144.0	27.0	
II	Kênh thủy lợi					2.300.0	1.840.0	345.0	115.0	2.185.0	1.840.0	345.0	
10	Kênh từ Đập Mô Cày - Ruộng Lê Văn Tâm	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Kênh 300m; đập dâng 12m	2023 -2025	540.0	432.0	81.0	27.0	513.0	432.0	81.0	
11	Kênh từ ruộng Võ Thành - ruộng Đỗ Diện	Xã Bình An	UBND xã Bình An	340m	2023 -2025	420.0	336.0	63.0	21.0	399.0	336.0	63.0	
12	Kênh từ Đập Gò Cao - Suối Tổ 5	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Kênh 368m; đập 8m	2023 -2025	500.0	400.0	75.0	25.0	475.0	400.0	75.0	
13	Kênh từ Đập Tổ 3 - Đồng Cây Si	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Kênh 210m; đập 30m	2023 -2025	840.0	672.0	126.0	42.0	798.0	672.0	126.0	
III	Trường học					3.400.0	2.720.0	680.0	0.0	3.400.0	2.720.0	680.0	
14	Trường Mẫu giáo Bình An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Nhà hiệu bộ 02 tầng + 01 phòng học + tường rào + bếp ăn và nhà vệ sinh giáo viên	2023 -2025	3.400.0	2.720.0	680.0		3.400.0	2.720.0	680.0	
IV	Cơ sở vật chất văn hóa, thể thao					7.800.0	5.460.0	1.950.0	390.0	7.410.0	5.460.0	1.950.0	
15	Hội trường đa năng xã Bình An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	200 chỗ ngồi	2023 -2025	3.800.0	2.660.0	950.0	190.0	3.610.0	2.660.0	950.0	

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							NS tỉnh	NS huyện	NS xã và vốn khác		NST	NS huyện	
16	Khu thể thao xã Bình An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Sân nền, đường nội bộ, sân thể thao và thiết bị TDTT	2023 -2025	900.0	630.0	225.0	45.0	855.0	630.0	225.0	
18	Sân vận động xã Bình An	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Sân nền, diện tích 1,2ha	2023 -2025	1.000.0	700.0	250.0	50.0	950.0	700.0	250.0	
19	Nhà văn hóa thôn Phúc Lâm	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Nhà văn hóa 80 chỗ ngồi + sân nền	2023 -2025	1.100.0	770.0	275.0	55.0	1.045.0	770.0	275.0	
20	Nâng cấp nhà văn hóa thôn An Khương	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh + tường rào, cổng ngõ, sân bê tông	2023 -2025	500.0	350.0	125.0	25.0	475.0	350.0	125.0	
21	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Tây Phước 2	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Nâng cấp nhà văn hóa, nhà vệ sinh, sân bê tông	2023 -2025	500.0	350.0	125.0	25.0	475.0	350.0	125.0	
V	Cấp nước sinh hoạt nông thôn					1.800.0	1.440.0	360.0	0.0	1.800.0	1.440.0	360.0	
22	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước sạch tập trung	Xã Bình An	UBND xã Bình An	Công suất 250m3/ngày đêm	2023 -2025	1.800.0	1.440.0	360.0		1.800.0	1.440.0	360.0	

PHỤ LỤC SỐ 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (HUYỆN NÔNG THÔN MỚI)
 (Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn)

DVT: Triệu đồng

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/12/2022										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh							Ghi chú			
TT	Danh mục dự án	Quy mô dự kiến	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			TT	Danh mục dự án	Quy mô dự kiến	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:	
					NSTW	NS huyện		NSTW	NS huyện						NSTW	NS huyện			NSTW	NS huyện
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng			11.000	5.500	5.500	11.000	5.500	5.500	I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng			11.000	5.500	5.500	11.000	5.500	5.500	
*	Công nghiệp điện năng			11.000	5.500	5.500	11.000	5.500	5.500	*	Công nghiệp điện năng			8.500	4.250	4.250	8.500	4.250	4.250	
1	Xây dựng đường dây điện phục vụ nuôi tôm xã Bình Dương	Đường dây 22kV 03km, đường dây 0,4kV 02km, 02 trạm biến áp 560kVA-22/0,4kV	2023-2025	4.800	2.400	2.400	4.800	2.400	2.400	1	Xây dựng đường dây điện phục vụ nuôi tôm xã Bình Dương	Đường dây 22kV khoảng 1.842m, đường dây 0,4kV khoảng 724m và 02 trạm biến áp	2023-2025	4.700	2.350	2.350	4.700	2.350	2.350	Điều chỉnh quy mô, điều chỉnh giảm tổng mức
2	Xây dựng đường dây điện phục vụ sản xuất Hành Tâm xã Bình Hải	Đường dây 22kV 6km, đường dây 0,4kV 1,6km, 02 trạm biến áp 250Kva-22/0,4kV	2023-2025	6.200	3.100	3.100	6.200	3.100	3.100	2	Xây dựng đường dây điện phục vụ sản xuất Hành Tâm xã Bình Hải	Đường dây 22kV với tổng chiều dài tuyến khoảng 1.228m, xây dựng đường dây 0,4kV với tổng chiều dài khoảng 1.087m và 02 trạm biến áp	2023-2025	3.800	1.900	1.900	3.800	1.900	1.900	Điều chỉnh quy mô, điều chỉnh giảm tổng mức
										*	Giao thông đường bộ			2.500	1.250	1.250	2.500	1.250	1.250	
										3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH.02 đoạn từ khoảng Km15+697,00-Km16+680,70 (đoạn qua thôn Thọ An, xã Bình An)	Chiều dài các đoạn tuyến đầu tư nâng cấp: Khoảng 0,984 Km	2023-2025	2.500	1.250	1.250	2.500	1.250	1.250	Bổ sung danh mục mới